

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nợ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/2018/TB-MPT ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lê H_NĐ, sinh năm 1980 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 226 VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Văn H_BĐ, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MĐC, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M_NLQ, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MĐC, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Ngân hàng C_NLQ

Địa chỉ: 169, phố LĐ, P. HL, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Do ông Nguyễn Văn C_DDNLQ, chức vụ: Giám đốc PGD Ngân hàng C_NLQ huyện An Minh, địa chỉ: kp3, thị trấn T11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đại diện theo Quyết định uỷ quyền số 1401/QĐ-NHCS ngày 16-4-2012 của Tổng giám đốc NHCSXH (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27-12-2017, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Lệ H_NĐ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh H_BĐ chung sống với nhau vào năm 2010, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống anh chị không hòa hợp nhau, anh H_BĐ không lo làm ăn suốt ngày chỉ biết tụ tập bạn bè liêu lẳng bên ngoài ăn nhậu, về nhà kiếm chuyện đánh đập chị vô cớ, có lần anh H_BĐ còn kẻ dao cắt cổ chị, lúc nào anh H_BĐ cũng nghĩ sai về chị để có cớ chửi mắng. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H_BĐ vẫn không sửa đổi, chị cố gắng nhẫn nhịn lo làm ăn nhưng càng ngày anh H_BĐ càng uống rượu nhiều hơn nên chị không còn chịu đựng được nữa, vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Thị NY, sinh ngày 29-6-2013, hiện nay do mẹ chồng là bà Nguyễn Thị M_NLQ nuôi dưỡng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng. Hiện nay chị được biết là trước đây anh H_BĐ có vay của Ngân hàng C_NLQ (PGD huyện An Minh) 15.000.000 đồng đến nay chưa trả, số tiền này anh H_BĐ tự vay, chị không có vay nên là nợ riêng của anh H_BĐ.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H_BĐ; Về con: Yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Thị NY, sinh ngày 29/6/2013, không yêu cầu anh H_BĐ cấp dưỡng nuôi con cùng chị; Về tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 15.000.000 đồng anh H_BĐ tự vay và hiện nay còn nợ Ngân hàng C_NLQ thì anh H_BĐ tự trả, chị không chịu trách nhiệm trả nợ cùng anh H_BĐ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04-5-2018, bị đơn anh Lê Văn H_BĐ trình bày như sau:

Anh và chị H_NĐ chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VK và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung

sống anh chị có 01 đứa con chung tên Lê Thị NY, sinh ngày 26-9-2013, anh nuôi dưỡng từ 08 tháng tuổi đến nay, về tài sản thì anh và chị H_NĐ không có tài sản chung, về nợ hiện nay còn nợ Nhà nước 15.000.000 đồng tiền vay hộ cận nghèo. Quá trình chung sống anh chị không có xảy ra mâu thuẫn gì mà chị H_NĐ bỏ đi không chung sống với anh từ tháng 8 năm 2015 đến nay, thỉnh thoảng chị H_NĐ có về thăm. Nay chị H_NĐ xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị H_NĐ. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, anh không đồng ý giao con cho chị H_NĐ nuôi dưỡng, vì anh đã nuôi từ khi con mới 08 tháng tuổi đến nay; về tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết; về nợ, hiện nay còn nợ Nhà nước 15.000.000 đồng, khi ly hôn anh chịu trách nhiệm trả, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10-4-2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M_NLQ trình bày như sau:

Anh H_BĐ không thường xuyên có mặt ở nhà, khoảng 01 đến 02 ngày mới về nhà một lần. Anh H_BĐ và chị H_NĐ đã ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, hiện cháu Lê Thị NY là con của anh H_BĐ và chị H_NĐ do bà trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, do không có điều kiện nên NY chưa được đi học. Do tuổi bà đã lớn, sức khỏe yếu nên không đủ khả năng tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc NY, vì vậy bà đồng ý giao NY lại cho chị H_NĐ nuôi dưỡng sau khi chị H_NĐ và anh H_BĐ ly hôn.

Trong đơn khởi kiện ngày 19-6-2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C_NLQ (Phòng giao dịch huyện An Minh) trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 18-6-2016 anh Lê Văn H_BĐ có vay vốn của Ngân hàng C_NLQ (Phòng giao dịch huyện An Minh) theo khế ước nhận nợ số: 5800020679 với số tiền vay là 15.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ông H_BĐ không thực hiện đúng theo hợp đồng trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Văn H_BĐ phải trả cho Ngân hàng C_NLQ (Phòng giao dịch huyện An Minh) số tiền tạm tính đến ngày 19-6-2018 là 16.885.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 1.885.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông H_BĐ trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Lê H_NĐ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị H_NĐ trình bày là vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã nêu.

- Bị đơn anh Lê Văn H_BĐ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà

Nguyễn Thị M_NLQ vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Nguyễn Văn C_DDNLQ là người đại diện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C_NLQ Việt Nam: yêu cầu anh H_BĐ trả nợ đối với hợp đồng vay với số tiền gốc là 15.000.000đ. Lý do trả nợ trước hạn vì anh H_BĐ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ và nếu ly hôn thì rất khó thu hồi nợ. Không yêu cầu chị H_NĐ cùng trả nợ.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: chị H_NĐ xin ly hôn, anh H_BĐ thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn nên ghi nhận; về con chung đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H_NĐ và ý kiến của bà M_NLQ là giao cháu NY cho chị H_NĐ nuôi dưỡng sau ly hôn; về tài sản chung không yêu cầu nên không xét; về nợ Ngân hàng C_NLQ số tiền 15.000.000đ. Đây là nợ trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên do anh H_BĐ tự nguyện trả nợ một mình và đại diện Ngân hàng đồng ý nên đề nghị ghi nhận trách nhiệm trả nợ là của anh H_BĐ. Về việc Ngân hàng yêu cầu anh H_BĐ trả nợ trước hạn là không có căn cứ đề nghị bác yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H_BĐ và bà M_NLQ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H_BĐ và bà M_NLQ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; nguyên đơn chị H_NĐ yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt chị, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H_NĐ, anh H_BĐ và bà M_NLQ.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh H_BĐ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M_NLQ không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H_NĐ và anh H_BĐ chung sống với nhau năm 2010, đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và được Ủy ban nhân dân xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận

kết hôn vào ngày 21-3-2012 và đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H_NĐ đối với anh H_BĐ thấy rằng có đủ căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, giữa chị Hồng và anh H_BĐ đã có nhiều bất đồng xảy ra, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai người đã ly thân nhau một thời gian (từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay), mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc yêu thương lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, khi chị H_NĐ gửi đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H_BĐ nhưng khi Tòa án thụ lý vụ án và thông báo cho anh H_BĐ biết thì anh H_BĐ không có ý kiến gì phản đối và cũng đồng ý ly hôn với chị H_NĐ. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện ly hôn giữa chị H_NĐ và anh H_BĐ, nên cần công nhận cho chị H_NĐ và anh H_BĐ ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ nuôi con chung: Chị H_NĐ và anh H_BĐ có 01 đứa con chung tên Lê Thị NY, sinh ngày 26-9-2013, hiện nay bà M_NLQ đang nuôi dưỡng. Chị H_NĐ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H_BĐ cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh H_BĐ cũng nêu nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân cháu Ý sống chung bên anh H_BĐ nhưng do bà M_NLQ (là mẹ anh H_BĐ) trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M_NLQ trình bày là anh H_BĐ không thường xuyên ở nhà, việc chăm sóc cháu Ý do bà thực hiện và hiện nay bà đã già yếu, không thể chăm sóc tốt cho cháu và đề nghị giao con lại cho chị H_NĐ nuôi dưỡng. Từ đó, HĐXX thấy việc giao con cho chị H_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn sẽ đảm bảo tốt hơn cho cháu nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H_NĐ, giao cháu NY cho chị H_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, anh H_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H_NĐ không yêu cầu. Do bà M_NLQ đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ý nên có trách nhiệm liên đới cùng với anh H_BĐ trong việc giao cháu Ý lại cho chị H_NĐ.

[6] Về tài sản chung: Chị H_NĐ và anh H_BĐ cùng thống nhất xác định, vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét đến.

[7] Về số tiền vay Ngân hàng C_NLQ Việt Nam, Phòng giao dịch An Minh với số tiền gốc 15.000.000đ vào ngày 18-6-2016. Đây là số nợ vay trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên hồ sơ vay chỉ thể hiện một mình anh H_BĐ đứng vay; anh H_BĐ có ý kiến tự anh trả số nợ sau khi ly hôn; đại diện Ngân hàng đồng ý chỉ yêu cầu một mình anh H_BĐ trả nợ, không yêu cầu chị H_NĐ liên đới. Do nguyện vọng của các bên không trái quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận và xác

định sau khi ly hôn, anh H_BĐ là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C_NLQ với số nợ gốc 15.000.000đ vay ngày 18-6-2016.

[8] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc anh H_BĐ trả nợ trước hạn thấy rằng, Hợp đồng vay tiền có thời hạn 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 24-5-2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên anh H_BĐ có vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc theo định kỳ. Tuy nhiên, điểm b tiểu mục 2.1 của mục 2 trong Sổ vay vốn nêu bên cho vay có quyền “*chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích*”. Đại diện Ngân hàng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh bên vay là anh H_BĐ vi phạm như thỏa thuận tại điểm b nêu trên. Như vậy, vi phạm của bên vay (anh H_BĐ) không phải là căn cứ để Ngân hàng thu hồi vốn trước hạn như thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, HĐXX chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh H_BĐ trả nợ trước hạn đối với số tiền vay gốc 15.000.000đ và tiền lãi.

[8] Về án phí: Chị H_NĐ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000đ tiền án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng C_NLQ là đối tượng được không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326 nên không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 55, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Lê H_NĐ và anh Lê Văn H_BĐ.

2- Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị NY, sinh ngày 26-9-2013, giới tính nữ, cho chị H_NĐ trực tiếp nuôi dưỡng, anh H_BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H_BĐ và bà M_NLQ có trách nhiệm giao cháu Ý lại cho chị H_NĐ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản: Không có, nên HĐXX không xem xét.

4- Về nợ: sau khi ly hôn, anh H_BĐ là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C_NLQ(Phòng giao dịch An Minh) khoản nợ gốc 15.000.000đ vay ngày 18-6-2016.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C_NLQ(Phòng giao dịch An Minh) về yêu cầu anh H_BĐ trả nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc 15.000.000đ vay ngày 18-6-2016.

5- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Lệ H_NĐ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0008564 ngày 11-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, chị H_NĐ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C_NLQ không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

6- Đương sự có mặt (Ngân hàng chính sách xã hội) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-10-2018); đương sự vắng mặt (chị H_NĐ, anh H_BĐ, bà M_NLQ) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã VK;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công